

Câu Đố

» Tác giả: Thanh Lăng

I. TẠI SAO CÓ MỤC CÂU ĐỐ?

1. Câu đố được tạo ra trong trường hợp nào?

Cũng như ca dao, tục ngữ, câu đố là một sản phẩm bình dân, do óc đại chúng dân quê chất phác... bởi thế các trường sở thai nghén ra nó không phải ở những nơi cung các, không phải ở những lúc nhàn rỗi, mà chính ở lao công, ở trong lúc vui làm việc. Về những vùng quê, trong vụ làm mùa lúa hay mùa cới, dân chúng trong lúc đập lúa, hay trong khi đánh bông chẻ cới, đố nhau một vài câu cho vui, hay nhiều khi bắt bí anh chàng xin miếng trầu hay điều thuốc lào phải giáng một câu đố...

Trong lúc vui chơi ấy, nhiều câu đố thần tình đã ra đời và nó được truyền đi hết nhà này qua nhà khác và sau đã thành một di sản văn hóa dồi dào.

2. Tại sao có mục câu đố?

Vì thế chúng tôi dành một tiết riêng để học về câu đố Việt Nam. Cũng như ca dao và nhiều khi gọi lẫn với ca dao, câu đố có một giá trị nghệ thuật tinh vi, và một giá trị tâm lý kỳ thú. Nó chiếm một phần rất quan trọng của kho tàng văn chương bình dân. Ta tách biệt nó ra khỏi ca dao vì, ở cả hai phương diện kết cấu và nội dung, nó đều khác ca dao.

II. HÌNH THỨC CÂU ĐỐ

1. Thể cách câu đố

Tuy là câu đố, hình thức của nó cao hãn hơn nhiều câu tục ngữ. Không nguyên phải chú ý đến tư tưởng mà còn phải chú trọng đến lời nữa. Cấu tạo câu đố thường do hai cách:

a. Âm thanh hưởng ứng.

Cấu tạo theo cách này, câu đố cũng tương tự như tục ngữ, câu đặt cần chia ra hai đoạn, có hai chữ vần với nhau, ở đây cũng là vần yêu vận.

- Vừa bằng cái nong, cả làng đông chẳng hết (giếng)
- Vừa bằng hột đỗ, ăn đỗ cả làng (con ruồi)
- Vừa bằng cái vung

Vùng xuống ao

Đào không thấy

Lấy chẳng được (trăng dưới ao)

b. Thể thơ bốn chữ

Đặt nhiều câu đố bốn chữ vần với nhau. Thường chữ cuối câu trên vần với chữ thứ hai câu dưới.

- Không sơn mà đỏ (mặt trời)
- Không gỗ mà kêu (sấm)
- Không khều mà rụng (mưa).

c. Thể lục bát

Nhưng thường câu đố hay đặt theo thể lục bát là một thể dân quê quen thuộc hơn cả, đọc lên nó êm đềm dễ nhớ hơn.

- Một cây mà có năm cành,
Giúng nước thì héo để dành thì tươi. (bàn tay)
- Sột soạt như là chuối khô,
Hai bên nước chảy như hồ Long Vân.
Từ quan cho chí đến dân,
Ai ai cũng phải uống nước Long Vân hai bồ (bú mẹ)

Trên đây là mấy thể chính thông thường hơn cả. Nhưng ngoài ra ta còn gặp cả những thể lục bát kiến thức, hay song thất kiến thức, hay nhiều khi không theo luật mẹo nào hết:

- Để yên thì nằm thìn thít,
Hễ động liềm dít, là chạy tứ tung (bào).

2. Bối cục câu đố

Câu đố Việt Nam thường đặt ra do phương pháp trừu tượng. Trừu tượng mà chúng tôi bàn đến đây không có ý nghĩa là vô hình, hay siêu hình, hay khó hiểu – cái trừu tượng mà tính cách đối lập của nó là cụ thể. Trừu tượng mà chúng tôi muốn nói đây là một động tác hơn là một tâm trạng. Trừu tượng, bởi thế, có nghĩa là tách lấy một vài yếu tố, một vài tính cách đặc biệt của sự vật, để bỏ đi những tính cách không sinh thú cho cảm giác.

Người dân quê có một óc trừu tượng rất tinh tế. Nhìn một sự vật, cũng như nhà họa sĩ, họ tách biệt ra được ngay giữa những màu sắc hỗn hợp một màu sắc riêng biệt với một vài đặc tính cá thể của vật đó, khiến họ chỉ cần nhớ ngắn ấy đủ nhận lại và làm cho người khác cũng nhận ra được sự vật.

Nói nôm ra, trong câu đố, sự vật được tả một cách rất sơ sài, nhưng rất tài tình. Cái sơ sài đó phải biểu hiện tính cách đặc biệt của sự vật làm cho sự vật đó không thể lẫn lộn với sự vật khác.

Đây, ta nghe họ tả một cây rau xam:

- Cây xanh, lá đỏ, hoa vàng,
Hạt đen, rễ trắng, đố chàng biết chi?
Hay là một quả dưa

Sông không đến, bến không vào,
Lơ lửng giữa trời, làm sao có nước?

Nghĩa là đồ một sự vật gì, tả vật ấy mà không nói ra. Thường câu đố Việt Nam được kết cấu do mấy kỹ thuật sau đây:

a. Phương pháp ví von

Lấy một đồ vật tương tự làm tỉ ngữ để tượng trưng một vật khác. Sự vật nhiều khi nhân hóa một cách ngộ nghĩnh lý thú:

Cái mõ và dùi mõ với óc trừu tượng giàu tưởng tượng của dân quê đã biến thành hai bố con:

Con đánh bố, bố kêu làng
Làng chạy ra, con chui bụng bố.

Cũng theo phương pháp đó, miếng cau đã thành ra người đàn ông trần trụi, và miếng trầu biến thành thiếu phụ đóm dáng:

Chồng có phép giơ bụng ra ngoài,
Vợ có tài thắt lưng cho gọn.

b. Phương pháp chơi chữ

Câu đố nhiều khi còn tài tình, thú vị ở chỗ tìm được một chữ có hai ba nghĩa khiến người ta phải suy nghĩ để nhiều khi tìm ra được nghĩa ngay với những tiếng có trong câu đố.

Trùng trục như con chó thui,
Chín mắt, chín mũi, chín tai, chín mồm.

Thực ra chỉ là con chó thui: mắt, mũi, tai, mồm bị thui chín hết cả.

Ngả lưng cho thế gian nhờ,
Vừa êm vừa ấm lại ngờ bất trung (phản).

Hay

Đêm đêm che gió cho người,
Chẳng thương thời chó lại cười rằng ngu (cái dại).

Là câu tả cái phản và cái dại thần tình, ngộ nghĩnh biết bao!

c. Đồ tục giảng thanh

Do tính cách tinh nghịch, nhiều khi ta gặp những câu đố tục nhưng ý nghĩa lại thanh... Như câu trích ở trên:

Ăn đànng đít, ỉa đànng lưng,
Động mớ đến sừng thì vãi cứt ra. (bào)

3. Nội dung câu đố

Như đã nói trên, câu đố Việt Nam là một sản phẩm của đại chúng bình dân, nghĩa là của dân quê mộc mạc làm ra trong lúc bận chân, bận tay, nên hầu hết là những cái họ gặp dưới mắt, hay những cái xảy đến hàng ngày trong công việc của họ: là những đồ vật quen dùng, cái áo, cái nón, cái chổi, cái điều, cái nhà, cái phản, cái bào, cái mõ, cái trống, cái đại... là những công việc vật vãn, những cử chỉ thường nhật... là những cảnh trí ở chung quanh, quen thân với họ như con trâu, cây chuối, cây rau xam, buồng cau, miếng trầu với cau tươi, mặt trăng, bóng trăng...

Chỉ ngần ấy thứ quen quen thôi, chứ ít khi có những câu đố lạ. Thường thường những câu đố đó hoàn toàn có tính cách dân quê. Phải là những dân ở đồng ruộng mới nghĩ ra được. Những câu đố đó, người thị thành không hiểu được.

Câu đố với tinh thần dân tộc.

Câu đố Việt Nam biểu hiện tinh thần dân tộc Việt Nam không nguyên vì chỗ chỉ mình người Việt Nam hiểu biết được câu đố Việt Nam đang khi người ngoại quốc không tài nào hiểu được.

Đọc câu đố ta còn rút ra được hai sự trạng sau đây tả đúng tâm tình hay tinh thần Việt Nam.

a. Tinh thần trào lộng

Không đâu cái trào lộng được biểu lộ một cách rõ ràng như ở câu đố.

Nhìn một sự vật bao giờ người Việt Nam cũng tìm ra được một cái gì ngộ nghĩnh để gieo một nụ cười. Người phương Tây, ít sống đời đoàn thể, nên ít có dịp mà tán tỉnh, cười đùa với nhau, nhưng dân chúng Việt Nam suốt quanh năm hầu phải sống cái đời tập đoàn: hết mùa lúa đến mùa cói, mùa ngô, mùa dưa...

Rồi, sau những năm chung sống với nhiều dân tộc, chúng tôi đã có dịp nhận thấy cái tính cười đùa, pha trò của người Việt Nam. Thực nhiều khi quá. Một tụi sinh viên Tàu hay Phi hội nhau ít khi họ tán tỉnh, nhưng một tụi Việt Nam họp nhau là y như tán xiêu cửa ngõ nhà.

b. Tinh thần quan sát và sáng kiến

Người ta thường ỷ lại, lấp lại như sáo cái ý tưởng khinh miệt người Việt của mấy nhà khảo cứu Pháp, cho dân chúng Việt Nam thiếu óc sáng kiến. Thực ra, ta phải nói ngược lại. Nếu sáng kiến là con đẻ của quan sát thì người ta lấy lẽ gì mà bảo dân Việt thiếu sáng kiến? Nếu có thiếu sáng kiến thì chỉ ở phía mấy nhà văn cử nghiệp bị nho giáo đầu độc làm hại bản năng, chứ đối với cả một dân tộc mà sức chống đối nho giáo rất mãnh liệt thì óc sáng kiến rất nảy nở. Họ luôn luôn mở mắt và trái tim để đón gió bốn phương, tìm ra trong cảnh thiên nhiên những định luật chi phối đời sống họ như ta sẽ thấy

khi khảo về ca dao, tục ngữ. Ở đây chúng tôi chỉ nhấn mạnh về điểm: người Việt Nam có tài quan sát rất tinh vi để tả lại sự vật đã quan sát một cách rất trung thành. Đây, ta xem họ quan sát và tả con tôm (25).

Đầu như khóm trúc
Lưng uốn khúc rồng
Sinh thì bạch
Tử thì hồng
Xuân hạ thu đông
Bốn mùa có cả.